

Số:124/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 228/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Quách Văn T - Sinh ngày: 15/7/1992

Địa chỉ: Thôn B (Nay là thôn T), xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0380.9204.6694 Ngày cấp: 28/10/2025

Chị Quách Thị V - Sinh ngày: 28/10/1994

Địa chỉ: Thôn B (Nay là thôn T), xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0381.9403.2823 Ngày cấp: 27/12/2021

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Quách Văn T và chị Quách Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hoá). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không chung quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, đời sống chung không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay anh T và chị V xác định tình

cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Thị Hồng H, sinh ngày: 20/6/2012 và Quách Hoàng Thiên P, sinh ngày: 19/02/2015. Ly hôn, anh T và chị V thỏa thuận giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền là 3.000.00 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh Quách Văn T và chị Quách Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Quách Văn T và chị Quách Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Quách Thị V chịu lệ phí về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Văn T và chị Quách Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Quách Thị Hồng H, sinh ngày: 20/6/2012 và Quách Hoàng Thiên P, sinh ngày: 19/02/2015 cho anh Quách Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Quách Thị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu mỗi tháng số tiền là 3.000.00 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Chị Quách Thị V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Quách Thị V tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số: 0005229 ngày 23/6/2026. Chị Quách Thị V đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Vân Du;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.



THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn